**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA LÍ KHỐI 10- GIỮA HỌC KÌ II**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**BÀI 19: DÂN SỐ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THẾ GIỚI**

**Câu 1:** Năm 2020, dân số thế giới đạt?

**A.**7,79 tỉ người **B.**7,9 tỉ người **C.**7,8 tỉ người **D.**7,7 tỉ người

**Câu 2:** Châu lục nào đông dân nhất thế giới?

**A.**Châu Âu **B.**Châu Mỹ **C.**Châu Á **D.**Châu Phi

**Câu 3:** Hiện tượng “bùng nổ dân số” trên thế giới diễn ra trong thời gian?

**A.**khoảng đầu thế kỉ XX **B.**khoảng cuối thế kỉ XX

**C.**khoảng cuối thế kỉ XIX **D.** khoảng giữa thế kỉ XX

**Câu 4:** 2 nước đông dân nhất thế giới năm 2020 là

**A.**Trung Quốc và Hoa Kỳ. **B.**Trung Quốc và Ấn Độ.

**C.**Trung Quốc và Liên Bang Nga. **D.**Trung Quốc và In- đô-nê-xi-a

**Câu 5:** Yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng quyết định đến tỉ suất sinh của một quốc gia?

**A.**Phong tục tập quán. **B.**Tự nhiên - sinh học.

**C.**Chính sách dân số. **D.**Tâm lí xã hội.

**Câu 6:** Yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng quan trọng nhất đến tỉ suất sinh của một quốc gia?

**A.**Phong tục tập quán. **B.**Tự nhiên - sinh học.

**C.**Tâm lí xã hội. **D.**Phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 7:** Tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm được gọi là

**A.**gia tăng cơ học. **B.**tỉ suất tử thô.

**C.**gia tăng tự nhiên. **D.**tỉ suất sinh thô.

**Câu 8:** Tương quan giữa số người chết trong năm so với số dân trung bình cùng thời điểm được gọi là

**A.**gia tăng tự nhiên. **B.** tỉ suất tử thô.

**C.**tỉ suất sinh thô. **D.**gia tăng cơ học.

**Câu 9:** Tỉ suất tử thô **không** phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

**A.**Đói kém. **B.**Sinh học.

**C.**Thiên tai. **D.**Chiến tranh.

**Câu 10:** Ở những nước phát triển, tỉ suất tử thô thường cao là do tác động chủ yếu của yếu tố nào sau đây?

**A.**Dân số già. **B.**Bão lụt. **C.**Dịch bệnh. **D.**Động đất.

**Câu 11:** Dân số trên thế giới tăng lên hay giảm đi là do

**A.**xuất cư và tử vong. **B.**sinh đẻ và xuất cư.

**C.**sinh đẻ và tử vong. **D.**sinh đẻ và nhập cư.

**Câu 12:** Gia tăng cơ học **không**có ảnh hưởng lớn đến vấn đề dân số của

**A.**toàn thế giới. **B.**một khu vực. **C.**vùng lãnh thổ. **D.**một quốc gia.

**BÀI 20: CƠ CẤU DÂN SỐ**

**Câu 1**. Có bao nhiêu cách tính cơ cấu dân số theo giới?

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 2.** Tỉ lệ nam và nữ trong tổng số dân có đơn vị là gì?

**A.** người. **B.** triệu người. **C.** %. **D**. ‰.

**Câu 3.** Ý nào đúng khi nói về khái niệm cơ cấu dân số theo tuổi?

**A.** Là tập hợp những nhóm người được sắp xếp theo những nhóm tuổi nhất định.

**B.** Là tập hợp những nhóm người được sắp xếp theo những nhóm tuổi từ 15 đến 64 tuổi.

**C.** Là tỉ lệ những nhóm người được sắp xếp theo những nhóm tuổi nhất định.

**D.** Là tỉ lệ những nhóm người được sắp xếp theo những nhóm tuổi từ 15 đến 64 tuổi.

**Câu 4.** Dựa vào khoảng cách tuổi, thông thường cơ cấu dân số theo tuổi được chia thành bao nhiêu loại?

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 5.** Tháp tuổi được dùng để biểu hiện đặc điểm nào của dân số?

**A.** Cơ cấu sinh học. **B.** Cơ cấu xã hội.

**C.** Tổng số dân. **D.** Tổng số dân theo giới tính.

**Câu 6.** Có bao nhiêu loại tháp tuổi?

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 7.** Cơ cấu dân số theo giới **không** tác động đến yếu tố nào?

**A.**Sự phân bố dân cư. **B.** Sự phân bố sản xuất.

**C.** Tổ chức đời sống xã hội. **D.** Chiến lược phát triển kinh tế quốc gia.

**Câu 8.** Dựa vào khoảng cách tuổi, cơ cấu dân số theo tuổi thường được chia thành mấy loại?

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 9.** Những nước có cơ cấu dân số trẻ thường có tỉ lệ người trong độ tuổi 0-14 như thế nào?

**A.** Nhỏ hơn 20%. **B.** Nhỏ hơn 25%. **C.** Lớn hơn 25%. **D.** Lớn hơn 35%.

**Câu 10**. Những nước có cơ cấu dân số già thường có tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên như thế nào?

**A.** Nhỏ hơn 7%. **B.** Nhỏ hơn 14%. **C.** Lớn hơn 7%. **D.** Lớn hơn 14%.

**Câu 11.** Tháp dân số nào có dáng nhọn, đáy rộng và đỉnh hẹp?

**A.** Kiểu mở rộng. **B.** Kiểu ổn định. **C.** Kiểu thu hẹp. **D.** Không thể xác định.

**Câu 12.** Cơ cấu dân số hoạt động theo khu vực kinh tế được phân chia theo bao nhiêu khu vực?

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**BÀI 21. PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ ĐÔ THỊ HÓA**

**Câu 1:** Sự sắp xếp dân số một cách tự phát hoặc tự giác trên một lãnh thổ nhất định, phù hợp với điều kiện sống và các yêu cầu xã hội được gọi là:

**A.** đô thị. **B.** sự phân bố dân cư.

**C.** lãnh thổ. **D.** cơ cấu dân số.

**Câu 2**: Dân số thế giới tăng hay giảm là do:

**A.** sinh đẻ và tử vong. **B.** số trẻ tử vong hằng năm.

**C.** số người nhập cư. **D.** số người xuất cư.

**Câu 3:** Vùng thưa dân trên thế giới thường nằm ở đâu?

**A.** Vùng có nhiều bão ven biển. **B.** Vùng động đất núi lửa.

**C.** Các đảo ven bờ. **D.** Vùng hoang mạc.

**Câu 4:** Các khu vực nào sau đây có dân cư tập trung đông đúc?

**A.** Tây Âu, Bắc Mĩ. **B.** Tây Âu, Đông Nam Á.

**C.** Đông Nam Á, Bắc Mĩ. **D.** Bắc Phi, Châu Đại Dương.

**Câu 5:** Dân cư thường tập trung đông đúc ở những khu vực nào sau đây?

**A.** Miền núi, mỏ khoáng sản. **B.** Vùng đồng bằng, ven biển.

**C.** Các thung lũng, hẻm vực. **D.** Các ốc đảo và cao nguyên.

**Câu 6:** Tiêu chí nào dùng để thể hiện tình hình phân bố dân cư?

**A.** Mật độ dân số. **B.** Quy mô dân số.

**C.** Cơ cấu dân số. **D.** Loại dân cư.

**Câu 7:** Khu vực nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất thế giới?
**A.** Đông Nam Á. **B.** Bắc Phi.
**C.** Châu Đại Dương. **D.** Trung Phi.

**Câu 8:** Số lượng các siêu đô thị tăng nhanh nhất ở nhóm nước nào sau đây?

**A.**đang phát triển. **B.**kém phát triển.

**C.**phát triển. **D.**xuất khẩu dầu mỏ.

**Câu 9**: Tỉ lệ dân thành thị có xu hướng tăng nhanh là biểu hiện rõ nét của quá trình gì?

**A.** đô thị hoá. **B.** hiện đại hoá.

**C.** thương mại hoá. **D.** công nghiệp hoá.

**Câu 10:** Ảnh hưởng tích cực của đô thị hóa là:

**A.** làm cho nông thôn mất đi nguồn nhân lực lớn.

**B.** tỉ lệ dân số thành thị tăng lên một cách tự phát.

**C.** tình trạng thất nghiệp ở thành thị ngày càng tăng.

**D.** góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.

**Câu 11:** Đô thị hoá được xem là quá trình tiến bộ của xã hội khi:

**A.** nâng cao tỷ lệ dân thành thị. **B.** sản phẩm hàng hóa đa dạng.

**C.** xuất hiện nhiều đô thị lớn. **D.** phù hợp với công nghiệp hoá.

**Câu 12:** Ý nào dưới đây là đặc điểm của quá trình đô thị hóa? **A**. Dân cư thành thị có tốc độ tăng trưởng bằng với tốc độ tăng của dân số ở nông thôn. **B.** Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn. **C.** Hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn giảm mạnh. **D.** Ở nông thôn, hoạt động thuần nông chiếm hết quỹ thời gian lao động.

**Câu 13:** Số dân và tỉ lệ dân thành thị có xu hướng:

**A.** số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị tăng.

**B.** số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị giảm.

**C.** số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị tăng.

**D.** số dân thành thị giảm, tỉ lệ dân thành thị giảm.

**BÀI 25: VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN.**

**Câu 1:** Cung cấp lâm sản cho nhu cầu xã hội là ngành

**A**. lâm nghiệp. **B**. trồng cây lương thực. **C**. chăn nuôi. **D**. thủy sản.

**Câu 2:** Vai trò cung cấp lương thực, thực phẩm cho xã hội là của ngành

**A.** Nông nghiệp. **B.** Lâm nghiệp. **C.** Thủy sản. **D**. Thủ công nghiệp.

**Câu 3:** Đất trồng là

**A**. tư liệu sản xuất chủ yếu của ngành nông nghiệp và lâm nghiệp.

**B.** tư liệu sản xuất chủ yếu của ngành nông nghiệp và thủy sản.

**C**. tư liệu sản xuất chủ yếu của ngành lâm nghiệp và thủy sản.

**D**. Tư liệu sản xuất chủ yếu của ngành thủy sản và tiểu thủ công nghiệp.

**Câu 4:** Tư liệu sản xuất của ngành thủy sản là

**A.** diện tích mặt nước **B.** đất trồng. **C.** khí hậu. **D**. địa hình.

**Câu 5:** Tính mùa vụ được thể hiện rõ nét nhất trong ngành

**A.** trồng trọt. **B.** lâm nghiệp. **C.** chăn nuôi. **D**. thủy sản.

**Câu 6:** Vị trí địa lí ảnh hưởng tới

**A.** sự phân bố của hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nhiệp, thủy sản.

**B**. quy mô, hướng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

**C**. cơ cấu, năng suất cây trồng và vật nuôi.

**D**. mùa vụ và tính ổn định trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

 **Câu 7:** Nhân tố tự nhiên bao gồm các yếu tố nào?

**A**. Địa hình, đất đai, khí hậu, nguồn nước, sinh vật.

**B**. Địa hình, đất đai, khí hậu, dân cư, thị trường.

**C**. Địa hình, đất đai, khí hậu, khoa học – công nghệ, nguồn lao động.

**D**. Địa hình, đất đai, khí hậu, dân cư, nguồn lao động.

**Câu 8:** Sản phẩm nào là của ngành Thủy sản?

**A.** Tôm, cua, cá**. B.** Lúa gạo, ngô, đậu tương.

**C.** Sữa, sản phẩm từ sữa.  **D**. Thịt gia súc, gia cầm.

**Câu 9:** Nhân tố khí hậu bao gồm những yếu tố nào?

**A.** Chế độ nhiệt, ẩm, yếu tố thời tiết… **B.** Chế độ nhiệt, ẩm, thị trường….

**C.** Chế độ nhiệt ẩm, phân bố dân cư…. **D.** Chế độ nhiệt, ẩm, vốn đầu tư….

**Câu 10**: Có mấy nhóm nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

**A.** 3. **B**. 4. **C**. 5. **D**. 6.

**Câu 11:** Trong các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, cơ sở vật chất kĩ thuật thuộc nhóm nhân tố nào?

 **A.** Kinh tế - xã hội. **B**. Điều kiện tự nhiên.

 **C**. Tài nguyên thiên nhiên. **D**.Vị trí địa lý.

 **Câu 12**: Yếu tố nào ảnh hưởng tới quy mô, cơ cấu và năng suất cây trồng, vật nuôi?

**A.** Đất đai. **B.** Sinh vật. **C.** Thị trường. **D.** Vị trí địa lý.

**Câu 13**: Trong nền sản xuất hiện đại ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có

**A.** hình thức tổ chức ngày càng đa dạng. **B.** giống cây trồng vật nuôi cho năng suất thấp.

**C.** không có sự liên kết sản xuất. **D**. hạn chế ứng dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất.

**Câu 14:** Sinh vật

**A.** là cơ sở thức ăn cho chăn nuôi.

**B.** là tư liệu sản xuất chủ yếu của ngành thủy sản.

**C**. chỉ cung cấp đối tượng sản xuất cho ngành nông nghiệp.

**D**. ảnh hưởng tới cơ cấu sản xuất của nông nghiệp.

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1. Trình bày vai trò của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản?**

- Cung cấp lương thực, thực phẩm và lâm sản cho nhu cầu xã hội.

- Cung cấp nguyên liệu cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Sản xuất ra các mặt hàng có giá trị xuất khẩu, tăng thêm nguồn ngoại tệ cho đất nước.

- Tạo việc làm và thu nhập cho người dân.

- Góp phần khai thác tốt các điều kiện sẵn có về tự nhiên, kinh tế - xã hội ở mỗi vùng.

- Giữ gìn cân bằng sinh thái, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

**Câu 2. Trình bày đặc điểm cơ bản của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản?**

- Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu của ngành nông nghiệp và lâm nghiệp,

- Diện tích mặt nước là tư liệu sản xuất của ngành thuỷ sản.

- Đối tượng của sản xuất nông, lâm, thủy sản là cây trồng và vật nuôi.

- Sản xuất nông, lâm, thủy sản thường có tính mùa vụ.

- Sản xuất nông, lâm, thủy sản chịu tác động của điều kiện tự nhiên.

- Ngành nông, lâm, thủy sản có nhiều thay đổi trong nền sản xuất hiện đại.

**Câu 3. Phân tích những ảnh hưởng của nhân tố tự nhiên đối với sự phát triển và phân bố của nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản?**

- Địa hình ảnh hưởng đến quy mô, phương hướng sản xuất nông, lâm, thủy sản.

- Đất đai ảnh hưởng đến quy mô, cơ cấu và năng suất cây trồng, vật nuôi.

- Khí hậu ảnh hưởng đến cơ cấu sản xuất, mùa vụ và tính ổn định trong sản xuất.

 Nguồn nước ảnh hưởng trực tiếp đến sự phân bố và quy mô của hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

- Sinh vật là nguồn cung cấp giống cây trồng, vật nuôi và là cơ sở thức ăn cho chăn nuôi.

**Câu 4**. **Phân tích những ảnh hưởng của nhân tố kinh tế - xã hội đối với sự phát triển và phân bố của nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản?**

Dân cư ảnh hưởng rất lớn đến thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản.

- Nguồn lao động ảnh hưởng đến quy mô, năng suất và hiệu quả sản xuất nông, lâm, thuỷ sản.

- Cơ sở vật chất - kĩ thuật ảnh hưởng đến quy mô, hiệu quả sản xuất, góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa trong ngành nông, lâm, thủy sản.

- Tiến bộ khoa học - công nghệ giúp nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm nông, lâm, thủy sản; góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên nông nghiệp.

- Thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước có vai trò điều tiết sản xuất, ảnh hưởng đến tính chuyên môn hóa sản xuất.

**Câu 5: Cho bảng số liệu sau về tỷ suất sinh và tỷ suất tử của nước ta giai đoạn 1979-1999.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  | 1979 | 1985 | 1993 | 1999 |
| **Tỷ suất sinh (%0)** | 32,2 | 28,8 | 28,5 | 23,6 |
| **Tỷ suất tử (%0)** | 7,2 | 6,9 | 6,7 | 7,3 |

Tính tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên (%) của nước ta giai đoạn trên?

**Câu 6:** **Cho bảng số liệu DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Châu lục** | **Diện tích (Đơn vị: km2)** | **Dân số (Đơn vị: người)** |
| Châu Âu | 22.121.228  | 746.225.356 |
| Châu Á | 31.022.549  | 4.664.324.075 |
| Châu Phi | 29.661.703  | 1.360.677.231  |
| Châu Mỹ | 38.838.430 | 1.025.792.793 |

 *Trích nguồn: World Bank (Ngân hàng thế giới)*

a. Tính mật độ dân số của các Châu lục năm 2020?

b. Vẽ biểu đồ thể hiện mật độ dân số của các Châu lục năm 2020? Nhận xét qua biểu đồ đã vẽ?

**HẾT**